

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách khuyến khích áp dụng
Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp
và thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 53/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp, thủy sản được hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 01 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 616/TTr-SNN.PTNT ngày 01 tháng 4 năm 2015 về việc ban hành chính sách khuyến khích áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Hội Nông dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện - quận có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách khuyến khích áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Điều 1. Mục đích

Việc ban hành chính sách này nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Xây dựng nền nông nghiệp đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phát triển theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này bao gồm một số chính sách hỗ trợ đối với sản xuất, sơ chế và xúc tiến thương mại các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là chủ đầu tư), đầu tư sản xuất, sơ chế và xúc tiến thương mại các loại sản phẩm nông nghiệp và thủy sản thuộc danh mục sản phẩm được hỗ trợ do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 4: Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt bao gồm VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và các tiêu chuẩn GAP khác, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận cho áp dụng (gọi chung là VietGAP).

2. Áp dụng VietGAP là quá trình áp dụng VietGAP ở một trong hai cấp độ sau:

a) Áp dụng các tiêu chí chủ yếu của VietGAP liên quan đến an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc được cụ thể hóa trong Quy chuẩn kỹ thuật, Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) đối với cơ sở sản xuất, sơ chế và Quy chuẩn kỹ thuật, Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm (sau đây gọi chung là Quy chuẩn kỹ thuật);

b) Áp dụng toàn bộ các tiêu chí của VietGAP liên quan đến an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường và sức khỏe cho người lao động trong sản xuất, sơ chế sản phẩm.

3. Sản phẩm an toàn là sản phẩm nông lâm thủy sản được đánh giá, chứng nhận, công bố là sản phẩm được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật hoặc với VietGAP.

Điều 5. Danh mục các sản phẩm được hỗ trợ theo quy định này

1. Sản phẩm trồng trọt: rau, quả.
2. Sản phẩm chăn nuôi: heo, bò sữa, gia cầm.
3. Sản phẩm thủy sản: tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

Điều 6. Một số chính sách hỗ trợ

1. Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp và thủy sản áp dụng VietGAP do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế và xúc tiến thương mại sản phẩm nông nghiệp và thủy sản; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn.

3. Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm VietGAP.

4. Hỗ trợ sản xuất.

a) Đối với trồng trọt: rau, quả:

- Hỗ trợ một lần 30% kinh phí đầu tư xây dựng nhà lưới, nhà kính phục vụ sản xuất theo quy trình VietGAP.

- Hỗ trợ một lần 50% chi phí mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất theo quy trình VietGAP.

b) Đối với chăn nuôi: heo, bò sữa, gia cầm:

- Hỗ trợ một lần 30% chi phí đầu tư xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi, kho chứa nguyên liệu và thức ăn, kho chứa dụng cụ chăn nuôi; máy móc và trang thiết bị phục vụ chăn nuôi, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống đạt chuẩn nuôi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

- Hỗ trợ một lần 50% chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Đối với thủy sản: tôm sú, tôm thẻ chân trắng:

- Hỗ trợ một lần 30% chi phí đầu tư cải tạo ao nuôi, máy móc thiết bị phục vụ nuôi.

- Hỗ trợ 50% chi phí xây dựng nhà vệ sinh tự hoại; kho chứa thức ăn, thuốc thú y, hóa chất phục vụ nuôi; kho chứa thiết bị, dụng cụ nuôi.

- Hỗ trợ 50% chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Đối với sơ chế, bảo quản và xúc tiến thương mại:

- Hỗ trợ một lần 30% chi phí xây dựng nhà sơ chế đóng gói, đầu tư dụng cụ sơ chế, đóng gói.

- Hỗ trợ một lần 100% chi phí xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo Thực hành sản xuất tốt (GMP), Quy trình làm vệ sinh và thủ tục kiểm soát vệ sinh (SSOP), Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP).

- Hỗ trợ 50% chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

6. Ngoài các hạng mục hỗ trợ trên, các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ theo các cơ chế đầu tư, hỗ trợ lãi vay, các chương trình dự án, đề án, mô hình trình diễn và các cơ chế khác của Trung ương và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không trùng lặp với nội dung hỗ trợ của Quy định này.

7. Các hạng mục hỗ trợ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 của Quy định này: thực hiện theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng

Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về khuyến nông.

8. Các hạng mục hỗ trợ theo Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 6 của Quy định này: hồ sơ, trình tự và thủ tục xét duyệt hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Quy định này.

Điều 7. Hồ sơ xét duyệt hỗ trợ sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản

1. Nộp hồ sơ: chủ đầu tư nộp 01 (một) bộ hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đăng ký hỗ trợ (đính kèm mẫu - Phụ lục 1).

- 01 Bản sao (kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận VietGAP đối với từng chủng loại sản phẩm đăng ký sản xuất.

- 01 Bảng tổng hợp nội dung và kinh phí đầu tư (đính kèm mẫu - Phụ lục 2), chi tiết theo từng hạng mục đầu tư tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 6 (bản chính, có ký tên, đóng dấu (trường hợp của tổ chức), kèm hồ sơ đầu tư theo từng hạng mục và các hóa đơn chứng từ theo quy định.

Điều 8. Trình tự và thủ tục xét duyệt hỗ trợ

1. Chủ đầu tư chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Điều 7 Quy định này và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Trong thời gian 5 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận địa điểm đầu tư và Ủy ban nhân dân quận, huyện để rà soát tính phù hợp với quy hoạch của phương án đầu tư. Nếu chủ đầu tư chưa đáp ứng được điều kiện về địa điểm đầu tư hoặc phương án đầu tư không phù hợp với quy hoạch thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản thông báo đến chủ đầu tư.

3. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành thẩm định về các nội dung đầu tư, thẩm tra các hóa đơn chứng từ theo quy định. Căn cứ kết quả biên bản thẩm

định, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định hỗ trợ và thông báo đến chủ đầu tư.

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thành phố thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ cho chủ đầu tư thông qua tài khoản tại ngân hàng theo đơn đăng ký hỗ trợ.

Điều 9. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân huyện, quận có sản xuất nông nghiệp

1. Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm rà soát tính quy hoạch của phương án đầu tư.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận địa điểm đầu tư theo Quy định này.

3. Chỉ đạo các phòng ban chức năng phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký, tập huấn và lập phương án sản xuất áp dụng quy trình VietGAP để được đăng ký hưởng các cơ chế chính sách theo quy định.

4. Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ theo quy định, gửi các sở ngành liên quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố giao chỉ tiêu hàng năm.

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành Thành phố

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện, Sở, ban, ngành đoàn thể liên quan phổ biến, tuyên truyền nội dung cơ chế chính sách này đến các tổ chức và cá nhân. Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm về tình hình thực hiện chính sách trên địa bàn Thành phố.

b) Hàng năm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

c) Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố lập và phê duyệt quy hoạch các vùng sản xuất tập trung đủ điều kiện áp dụng quy trình VietGAP trên địa bàn Thành phố. Đánh giá, đề xuất tổ chức chứng nhận sản xuất, sơ chế sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

d) Chủ trì thực hiện xét duyệt đối tượng đăng ký được hỗ trợ và chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp, tham mưu, thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí sự nghiệp trong dự toán chi hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện chính sách theo quy định.

b) Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách tại các quận - huyện.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch và ưu tiên phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn lồng ghép của các chương trình, dự án để thực hiện chính sách theo quy định.

4. Sở Công Thương: căn cứ kế hoạch hàng năm, Sở Công Thương định hướng chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại về lưu thông, phân phối các sản phẩm an toàn sản xuất theo quy trình VietGAP.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Ưu tiên triển khai thực hiện các đề tài, dự án về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng các mô hình sản xuất, chế biến các sản phẩm VietGAP; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài, hỗ trợ đổi mới công nghệ trong sản xuất.

b) Hỗ trợ kinh phí xây dựng, bảo hộ thương hiệu; sở hữu trí tuệ; đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với các sản phẩm theo quy định.

6. Sở Y tế: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trong sơ chế, chế biến sản phẩm VietGAP.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên (đất đai), cụ thể tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất được ưu tiên thuê đất, hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại các vùng sản xuất rau theo quy hoạch; phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; quản lý về môi trường trên địa bàn Thành phố theo các quy định của pháp luật hiện hành.

b) Hướng dẫn thủ tục về đất đai và bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất, sơ chế sản phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn theo quy trình VietGAP.

c) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về đất đai và thực thi các giải pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động sản xuất, sơ chế sản phẩm VietGAP.

8. Kho bạc Nhà nước Thành phố: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc chuyển trả kinh phí hỗ trợ cho các chủ đầu tư theo quy định.

9. Các tổ chức tín dụng: ưu tiên bố trí nguồn vốn vay cho các chương trình, dự án sản xuất, chế biến và xúc tiến thương mại sản phẩm nông, lâm, thủy sản áp dụng theo quy trình VietGAP.

Điều 11. Trách nhiệm của các chủ đầu tư

Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh việc sử dụng vốn đầu tư cho mô hình và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức hướng dẫn kiểm tra thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần kịp thời phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tất Thành Cang

Phụ lục 1**Mẫu đăng ký hỗ trợ chính sách VietGAP***(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND**ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 201...

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ**Chính sách Khuyến khích áp dụng Quy trình thực hành
sản xuất nông nghiệp tốt**

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy ban nhân dân quận/huyện:.....
- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn:.....

Họ tênsinh năm.....
 Số CMND số:....., ngày cấp:.....do CA..... cấp
 Chức vụ (nếu có).....
 Địa chỉ thường trú:.....
 Địa chỉ đầu tư:
 Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):.....
 Số tài khoản ngân hàng:.....
 Tại Ngân hàng:.....

Sau khi nghiên cứu Quyết định số/QĐ-UBND ngày ...tháng ...năm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chính sách khuyến khích áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Nay tôi làm đơn này (kèm các hồ sơ đầu tư sản xuất theo quy trình VietGAP) đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp xem xét giải quyết cho tôi được hỗ trợ theo Chính sách.

Chủ đầu tư

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu là tổ chức))

Phụ lục 2**Mẫu bảng tổng hợp nội dung và kinh phí đầu tư***(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2015/QĐ-UBND**ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC
HỖ TRỢ THEO CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ÁP DỤNG QUY TRÌNH THỰC
HÀNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT**

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngàythángnăm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về Chính sách khuyến khích áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy chứng nhận VietGAP....., ngày.... tháng.... năm..... của....., trong đó:

- Chứng nhận: Tổ chức/Cá nhân.....
- Mã số chứng nhận VietGAP:.....
- Quy mô:.....
- Sản lượng dự kiến:.....

Nay tôi liệt kê nội dung đầu tư và kinh phí này đề nghị Ủy ban nhân dân các cấp xem xét giải quyết cho tôi được hỗ trợ theo Chính sách. Các nội dung đề nghị được hỗ trợ như sau:

I. Liệt kê nội dung Hỗ trợ**Hỗ trợ theo khoản¹:..... Điều 6:****a. Nội dung đầu tư:**

.....

¹ Liệt kê từng nội dung và kinh phí đầu tư được hỗ trợ theo các khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 6 của Quy định này (nếu có).

b. Kinh phí đầu tư:

.....
.....

c. Đề nghị hỗ trợ:

.....
.....

II. Tổng kinh phí hỗ trợ:

.....
.....

III. Phụ lục kèm theo: Hồ sơ đầu tư theo từng hạng mục và các hóa đơn chứng từ đầu tư theo quy định.

Tôi cam kết liệt kê đúng từng nội dung và kinh phí đầu tư được hỗ trợ. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm.....

Chủ đầu tư

(Ký tên, đóng dấu (nếu là tổ chức))

PHỤ LỤC 3

Mẫu Quyết định hỗ trợ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2015/QĐ-UBND

ngày 14 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: /SNN-PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số .../2015/QĐ-UBND ngày ... tháng năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về Chính sách khuyến khích áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định hỗ trợ tại Tờ trình số /TTr-HĐTĐ ngày tháng năm 20...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt phương án:

1. Nội dung đầu tư

.....
.....

2. Chủ đầu tư:

.....

Địa chỉ:.....

3. Địa điểm đầu tư:.....

4. Mã số chứng nhận VietGAP:.....

5. Kinh phí đầu tư:

.....

6. Tổng kinh phí hỗ trợ:

.....

7. Trách nhiệm:

.....

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên Hội đồng thẩm định, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân quận - huyện..., Ủy ban nhân dân xã - phường - thị trấn..., Giám đốc Kho bạc Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Kho bạc Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hội đồng thẩm định hỗ trợ...;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phước Trung